**ĐỀ KHẢO SÁT ĐỘI TUYỂN HSG – THÁNG 8**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1:** Đặc điểm của thiên nhiên nhiệt đới, ẩm, gió mùa của nước ta là do

**A.** vị trí địa lí, hình dáng lãnh thổ quy định.

**B**. ảnh hưởng của gió thổi theo mùa.

**C**. sự phân hóa phức tạp của địa hình.

**D**. ảnh hưởng của Biển Đông.

 **Câu 2.** Thành phần loài chiếm ưu thế ở phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là

**A.** cây lá kim và thú có lông dày. **B.** cây chịu hạn, rụng lá theo mùa.

**C.** động thực vật cận nhiệt đới. **D.** động vật và thực vật nhiệt đới.

**Câu 3:** Nước ta nằm trong khu vực gió mùa nên

**A.** Tín phong hoạt động quanh năm. **B.** khí hậu có sự phân hóa mùa rõ rệt.

**C.** các loài sinh vật chiếm chủ yếu. **D.** tài nguyên khoáng sản phong phú.

**Câu 4:** Sự phân hóa lượng bốc hơi ở nước ta chủ yếu do tác động của

**A.** nhiệt độ, lượng mưa, hướng các dãy núi, bề mặt đệm.

**B.** chế độ nhiệt, địa hình, gió đông bắc, thảm thực vật.

**C.** số giờ nắng, hướng sườn, cấu tạo đá, hoàn lưu gió.

**D.** bức xạ Mặt trời, địa hình núi, gió tây nam, hệ sinh thái.

**Câu 5:** Thiên nhiên vùng núi Đông Bắc khác vùng núi Tây Bắc chủ yếu do ảnh hưởng của

**A.** gió mùa Đông Bắc với hướng của địa hình. **B.** độ cao và hướng núi khác nhau giữa hai vùng.

**C.** ảnh hưởng của gió mùa và biển khác nhau. **D.** gió mùa Đông Bắc và vĩ độ địa lí khác nhau.

**Câu 6:** Khí hậu mát mẻ, độ ẩm tăng cùng với đất feralit có mùn của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta đã tạo thuận lợi cho

**A.** các loài sinh vật từ phương Nam di cư lên. **B.** rừng cận xích đạo lá rộng phát triển mạnh.

**C.** quá trình feralit diễn ra với cường độ mạnh. **D.** rừng cận nhiệt lá rộng và lá kim phát triển.

**Câu 7:** Mạng lưới đô thị ở nước ta hiện nay

**A.** chủ yếu có chức năng về du lịch. **B.** phân bố thành dải dọc biên giới.

**C.** chủ yếu có quy mô dân số lớn. **D.** được đầu tư về kết cấu hạ tầng.

**Câu 8:** Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

**A.** phát triển kinh tế nhiều thành phần. **B.** tăng cường mở rộng các thành phố.

**C.** hội nhập kinh tế toàn cầu sâu rộng. **D.** thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa.

**Câu 9:** Biểu hiện rõ rệt về sức ép của gia tăng dân số nhanh đến chất lượng cuộc sống là làm

**A.** GDP bình quân đầu người thấp. **B.** cạn kiệt tài nguyên.

**C.** ô nhiễm môi trường. **D.** giảm tốc độ phát triển kinh tế.

**Câu 10:** Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta tương đối đa dạng do tác động chủ yếu của các nhân tố nào sau đây?

**A.** Nguồn tài nguyên, nhiên liệu đa dạng và phong phú.

**B.** Dân cư nhiều kinh nghiệm, các chính sách phát triển.

**C.** Tài nguyên đa dạng, thu hút được nguồn vốn đầu tư.

**D.** Sự phân hóa lãnh thổ và điều kiện tự nhiên thuận lợi.

**Câu 11:** Đánh bắt hải sản xa bờ có ý nghĩa về mặt kinh tế là

**A.** bảo vệ được vùng biển, vùng trời. **B.** bảo vệ được vùng thềm lục địa.

**C.** khai thác tốt hơn nguồn lợi hải sản. **D.** hạn chế khai thác nguồn lợi ven bờ.

**Câu 12:** Nguyên nhân chủ yếu thúc đẩy sự phát triển ngành viễn thông ở nước ta thời gian qua là

**A.** mạng lưới tương đối đa dạng. **B.** công nghiệp hoá phát triển.

**C.** đón đầu công nghệ hiện đại. **D.** nhu cầu người dân tăng cao.

**Câu 13:** Vấn đề đặt ra đối với hoạt động chế biến lâm sản ở nước ta hiện nay là

**A.** tích cực ngăn chặn nạn chặt phá rừng tự nhiên. **B.** tăng cường giao đất, giao rừng cho người dân.

**C.** đẩy mạnh chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm. **D.** khai thác thật hợp lí đi đôi với trồng mới rừng.

**Câu 14:** Ngành giao thông vận tải đường biển nước ta hiện nay

**A.** vận chuyển nhiều hàng xuất khẩu. **B.** ngành non trẻ, phát triển nhanh.

**C.** chỉ sử dụng lao động trình độ cao. **D.** mạng lưới phủ rộng khắp cả nước.

**Câu 15:** Mục đích chính của việc chuyển đổi cơ cấu mùa vụ và cơ cấu cây trồng ở nước ta là

**A.** phù hợp hơn với nhu cầu của thị trường tiêu thụ.

**B.** tăng hiệu quả kinh tế, hạn chế thiệt hại do thiên tai.

**C.** phù hợp với điều kiện nhiệt, ẩm và thổ nhưỡng.

**D.** đa dạng hóa sản phẩm nông sản theo các mùa vụ.

**Câu 16:** Cán cân ngoại thương của nước ta trong những năm gần đây xuất siêu chủ yếu do

**A.** thị trường xuất khẩu rộng, nhu cầu nhập khẩu giảm, vốn đầu tư tăng.

**B.** thu hút đầu tư, sản xuất trong nước phát triển, xuất khẩu tăng nhanh.

**C.** nhu cầu nhập khẩu giảm, thị trường mở rộng, giao thông cải thiện.

**D.** thị trường nhập khẩu thu hẹp, xuất khẩu tăng, giao thông cải thiện.

**Câu 17:** Giải pháp nào sau đây chủ yếu nhằm kéo dài thời gian lưu trú và tăng chi tiêu của khách du lịch quốc tế ở nước ta?

**A.** Đa dạng hóa sản phẩm du lịch. **B.** Nâng cao chất lượng lao động.

**C.** Hạ giá thành các loại dịch vụ. **D.** Bảo vệ tài nguyên và môi trường.

**Câu 18:** Kết quả nào sau đây là lớn nhất của quá trình đẩy mạnh phát triển kinh tế ở nước ta?

**A.** Hình thành các vùng chuyên canh và khu công nghiệp.

**B.** Hình thành các vùng động lực và khu công nghệ cao.

**C.** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành các khu chế xuất.

**D.** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phân hóa các vùng sản xuất.

**Câu 19:** Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm công nghiệp nước ta?

**A.** Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.

**B.** Tập trung vào phát triển nhiều ngành sản xuất khác nhau.

**C.** Gắn với nhu cầu thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

**D.** Đào tạo và nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động.

**Câu 20:** Giao thông vận tải là ngành vừa mang tính chất sản xuất, vừa mang tính chất dịch vụ là do

**A.** tham gia vào tất cả các khâu của quá trình sản xuất.

**B.** phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân các vùng trong nước.

**C.** đảm bảo các mối liên hệ kinh tế giữa các vùng trong nước.

**D.** thúc đẩy hoạt động kinh tế ở trung du và miền núi.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho thông tin sau :

Từ tháng 6 đến tháng 4 năm sau, miền Bắc nước ta chịu tác động của gió mùa Đông Bắc. Nửa đầu mùa đông, miền Bắc có thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa động có thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Từ 16°B trở vào Nam, khối khí lạnh đã bị suy yếu nên Tín phong bán cầu Bắc chiếm ưu thế.

a) Hoạt động của gió mùa Đông Bắc đã làm cho miền Bắc có một mùa đông lạnh. (Đ)

b) Gió mùa Đông Bắc bị biến tính khi đi qua biển nên gây mưa phùn vào cuối mùa đông ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ. (Đ)

c) Tín phong bán cầu Bắc là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên. (Đ).

d) Gió mùa Đông Bắc là nguyên nhân tạo nên mùa khô cho cả nước. (S).

**Câu 2:** Cho bảng số liệu:

**LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG TRONG NĂM 2021 TẠI TRẠM KHÍ TƯỢNG**

**ĐÀ NẴNG**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Lượng mưa (mm) | 34,7 | 32,1 | 14,6 | 21,4 | 2,1 | 38,5 | 12,5 | 93,5 | 800,4 | 782,8 | 271,0 | 485,8 |

 *(Nguồn:Niên giám thống kê 2022, NXB Thống kê 2022)*

**a**) Tháng có lượng mưa lớn nhất là tháng 9. (Đ)

**b)** Mùa mưa kéo dài từ tháng 1 đến tháng 5. (S)

**c**) Lượng mưa trung bình năm của Đà Nẵng là 2492,1mm. (S)

**d)** Lượng mưa lớn vào thu đông chủ yếu do hoạt động của gió mùa và dải hội tụ nhiệt đới. (Đ).

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

 Tình trạng ô nhiễm môi trường ở nước ta có xu hướng gia tăng, đặc biệt là môi trường nước và không khí. Ở nhiễm không khí diễn ra chủ yếu tại các thành phố lớn, đông dân; các khu vực đô thị tập trung hoạt động công nghiệp và những nơi có mật độ phương tiện giao thông lớn. Ô nhiễm nước tập trung chủ yếu ở vực trung lưu và đồng bằng hạ lưu của các lưu vực sông.

a) Hoạt động giao thông vận tải là một trong các nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm không khí. đ

b) Khí thải từ việc đốt nhiên liệu và các hoá chất bay hơi làm ô nhiễm không khí đáng kểđ.

c) Công nghệ tạo ra các nguồn tài nguyên và năng lượng mới đang làm cho môi trường xấu đi. s

d) Nước thải sinh hoạt và nước thải từ các hoạt động kinh tế đang trực tiếp gây ô nhiễm nguồn nước.đ

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

*Trị giá xuất khẩu và nhập khẩu hàng hoá của nước ta giai đoạn 2010 – 2021*

*(Đơn vị: tỉ USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Năm****Tiêu chí** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Trị giá xuất khẩu | 72,2 | 162,0 | 282,6 | 336,1 |
| Trị giá nhập khẩu | 84,8 | 165,7 | 262,8 | 332,9 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)*

a) Trị giá xuất khẩu có tốc độ tăng chậm hơn trị giá nhập khẩu trong giai đoạn 2010-2021.s

b) Hoạt động ngoại thương có sự thay đổi tích cực; từ xuất siêu, hiện nay Việt Nam đã trở thành nước nhập siêu.s

c) Tổng trị giá xuất khẩu và nhập khẩu của nước ta tăng liên tục trong giai đoạn 2010-2021.đ

d) Biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện trị giá xuất khẩu và nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2010 – 2021 là biểu đồ cột ghép. đ

 **Câu 5.** Cho thông tin sau:

 Đô thị hóa là động lực phát triển kinh tế của cả nước và các địa phương. Năm 2021, mặc dù chỉ chiếm 36,2% số lao động đang làm việc của cả nước nhưng đô thị đóng góp tới 70% GDP, tạo nguồn thu chủ yếu cho ngân sách. Trình độ đô thị hóa càng cao, tỉ lệ lao động đô thị càng lớn thì đóng góp cho GDP càng nhiều, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh.

 **a)** Các đô thị nước ta tập trung lực lượng lao động có trình độ cao nên có khả năng tạo ra năng suất lao động lớn. (Đúng)

 **b)** Các đô thị có khả năng tạo ra khối lượng việc làm lớn cho người lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân. (Đúng)

 **c)** Để khắc phục những hậu quả về mặt môi trường - xã hội do dân số tập trung đông ở các đô thị gây ra cần phát triển mạnh mẽ các đô thị có qui mô lớn. (Sai)

 **d)** Cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế ở các đô thị nước ta có sự chuyển dịch chủ yếu do nguồn lao động đông, chất lượng nâng lên. (Sai)

**Câu 6.** Cho thông tin sau:

Nông nghiệp nước ta đang phát triển mạnh theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, quy mô lớn; hướng tới nông nghiệp thông minh; nông nghiệp bền vững, tham gia ngày càng sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, dựa trên việc tăng cường áp dụng khoa học - công nghệ và thu hút sự đầu tư của các doanh nghiệp vào các hoạt động nông nghiệp.

 **a)** Cơ cấu sản xuất nông nghiệp nước ta chuyển dịch theo hướng hiện đại. (Đúng)

 **b)** Việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao và đáp ứng nhu cầu của thị trường. (Đúng)

 **c)** Việc sản xuất tập trung thành nông trường góp phần tạo thêm nhiều sản phẩm hàng hóa có giá trị cao. (Sai)

 **d)** Việc thu hút đầu tư của các doanh nghiệp đã tạo ra nhiều cơ hội cho nông nghiệp nước ta trong thời kì hội nhập. (Đúng)

**Phần III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** **Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6**

**Câu 1.** Khi Hà Nội (múi giờ số 7) đang là 7 giờ thì cùng lúc đó ở thành phố Niu Y-oóc (múi giờ số – 5) là mấy giờ? 19h ngày hôm trước

**Câu 2.** Năm 2021, dân số Việt Nam là 98,5 triệu người, tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên là 0,94 %. Tính số dân của nước ta năm 2022. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của triệu người) 99

 **Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Diện tích và sản lượng lúa ở các vùng của nước ta, năm 2021**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vùng** | **Diện tích** *(nghìn ha)* | **Sản lượng** *(nghìn tấn)* |
| Đồng bằng sông Hồng | 970,3 | 6020,4 |
| Trung du và miền núi Bắc Bộ | 662,2 | 3426,5 |
| Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ | 1198,7 | 7200,2 |
| Tây Nguyên | 250,2 | 1466,3 |
| Đông Nam Bộ | 258,9 | 1411,8 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 3898,6 | 24327,3 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

 Cho biết tỉ trọng diện tích lúa của Đồng bằng sông Cửu Long cao hơn Đông Nam Bộ bao nhiêu % ? *(làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)* **Đáp án: 50,3**

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng thủy sản ướp đông của nước ta, giai đoạn 2015 - 2021**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Thủy sản ướp đông *(nghìn tấn)* | 1666 | 1946,2 | 2158,4 | 2194,1 | 2134,8 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

 Cho biết, trong giai đoạn 2015 - 2021, trung bình mỗi năm sản lượng thủy sản ướp đông của nước ta tăng lên bao nhiêu nghìn tấn? *(làm tròn đến 1 chữ số thập phân của nghìn tấn)* **Đáp án: 78,1**

**Câu 5.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng công nghiệp năng lượng nước ta, giai đoạn 2010 - 2022**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2018** | **2022** |
| Dầu khí (*triệu tấn*) | 15,0 | 18,7 | 14,0 | 10,8 |
| Than (*triệu tấn*) | 44,8 | 41,6 | 42,3 | 49,8 |
| Điện (*tỉ kwh*) | 91,7 | 157,9 | 209,2 | 258,7 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, Tổng cục Thống kê)*

 Cho biết sản lượng dầu khí của nước ta năm 2022 giảm đi bao nhiêu % so với năm 2010? *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)*

**Đáp án: 28**

NDL

**Câu 6**. Cho bảng số liệu

Lượng mưa các thống tại trạm khí tượng Huế (tỉnh Thừa Thiên Huế) năm 2022

 ( Đơn vị: mm )

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Lượng mưa | 95,6 | 70,8 | 128,3 | 381,0 | 157,3 | 33,8 | 61,3 | 157,5 | 448,8 | 1366,5 | 226,4 | 786,6 |

 (Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, tính tổng lượng mưa của các tháng mưa nhiều ở Huế năm 2022, (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm).

Đáp án: 3652mm